

Số: 1272/GDĐT

Quận 12, ngày 19 tháng 9 năm 2024

Về việc hướng dẫn thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và tiếp nhận giấy xác nhận cho học sinh thuộc diện hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo năm học 2024-2025.

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường MN - MG, Tiểu học, THCS công lập, ngoài công lập;
- Chủ các nhóm trẻ, lớp MN - MG tư thực.

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)

Căn cứ Công văn số 82/BCĐCTGNBVTP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ban chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố về việc cấp Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận cho học sinh, sinh viên, Giấy đề nghị hỗ trợ và Đơn đăng ký học nghề cho lao động diện hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2021-2025; (Công văn số 82/BCĐCTGNBVTP)

Căn cứ Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023; (Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND)

Căn cứ Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022; (Công văn số 794/SGDĐT-KHTC)

Căn cứ Công văn số 1406/SGDĐT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo; (Công văn số 1406/SGDĐT-KHTC)

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao

tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố; (Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND)

Căn cứ Hướng dẫn số 9801/HD-SLĐTBXH ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình, khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. (Hướng dẫn số 9801/HD-SLĐTBXH)

Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và tiếp nhận giấy xác nhận đối với học sinh thuộc diện hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo, cụ thể như sau:

I. Về tiếp nhận Giấy xác nhận đối tượng học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2021-2025: (Căn cứ Công văn số 82/BCĐTGNBVTP) Các cơ sở giáo dục chỉ nhận Giấy xác nhận (GXN) theo mẫu tại Phụ lục GXN (đính kèm phụ lục). Không nhận giấy xác nhận khác mẫu này, phụ huynh gửi khác mẫu yêu cầu phụ huynh liên hệ phường làm lại theo đúng mẫu Phụ lục GXN.

II. Về thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí tại các cơ sở giáo dục: Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND.

1. Chính sách miễn học phí:

1.1 Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (**Con (con đẻ, con nuôi) của người có công theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh**).

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;

b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

đ) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

g) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;

h) Bệnh binh;

i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

1.2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật.

1.3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh không có nguồn nuôi dưỡng, mồ côi.

a. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định

số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên mồ côi cha hoặc mẹ đang thực tế cư trú tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú), Thời gian thực hiện từ 01 tháng 01 năm 2024 (Theo Nghị quyết 35/2023/NQ-HĐND):

+ *Mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đã tử vong (chưa được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).*

+ *Mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại có mức thu nhập bằng hộ nghèo, hộ cận nghèo (thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố Hồ Chí Minh).*

1.4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ **tại ngũ** theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ (**con đẻ, con nuôi hợp pháp của Công an, cấp bậc: hạ sĩ quan, binh sĩ...**).

1.6. Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông là người dân tộc Chăm, Khmer và học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số khác thuộc hộ cận nghèo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và ngoài công lập không có yếu tố nước ngoài. (Theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND)

*** Hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị miễn tiền đóng học phí:

Đối với các đối tượng thuộc diện được miễn học phí học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên: Mẫu đơn theo Phụ lục II.

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn học phí:

- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với (**Đối tượng 1.1**) và **giấy khai sinh**.

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với (**Đối tượng 1.2**).

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với (**Đối tượng 1.3**); trường hợp học sinh là **đối tượng được hưởng trợ cấp**

theo Nghị quyết 35/2023/NQ-HĐND nhưng chưa có Quyết định về việc trợ cấp, cơ sở giáo dục hỗ trợ học sinh trong thời gian hoàn tất thủ tục nhận kinh phí hỗ trợ và lập danh sách học sinh cùng Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo và giấy khai tử của cha hoặc mẹ hoặc người nuôi dưỡng của học sinh gửi về phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thông qua phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho (**Đối tượng 1.4**);

- Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng đối với (**Đối tượng 1.5**) và **giấy khai sinh**. (tham khảo Mẫu số 02 -Tờ khai hưởng chế độ miễn học phí)

- Giấy khai sinh (dân tộc Chăm, Khmer) hoặc Giấy xác nhận Hộ cận nghèo và giấy khai sinh dân tộc thiểu số khác (**Đối tượng 1.6**).

2. Các đối tượng được giảm 50% học phí (Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)

2.1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

2.2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo và hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị giảm tiền đóng học phí:

Đối với các đối tượng thuộc diện được giảm học phí học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên: Mẫu đơn theo Phụ lục II.

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng giảm học phí đối với các đối tượng sau:

- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với **đối tượng 2.1**.

- Giấy xác nhận hộ cận nghèo, hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân phường cấp cho **đối tượng 2.2**.

3. Hỗ trợ chi phí học tập: mức hỗ trợ 150.000 đồng/học sinh/tháng (Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)

3.1. Trẻ em, học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên mồ côi cả cha lẫn mẹ.

3.2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên bị khuyết tật.

3.3. Học sinh là thành viên thuộc hộ nghèo Thành phố Hồ Chí Minh đang theo học từ mẫu giáo đến trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên.

*** Hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập:

Đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên: Mẫu đơn theo Phụ lục III;

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng sau:

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ **đối tượng 3.1.**

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân phường cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đối với học sinh bị khuyết tật **đối tượng 3.2.**

- Giấy chứng nhận hộ nghèo Thành phố Hồ Chí Minh **đối tượng 3.3.**

Lưu ý:

*** Đối với trẻ em mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông **vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập**, chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ các giấy tờ liên quan nói trên **kèm đơn theo mẫu (Phụ lục IV).**

*** Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

4. Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo: mức hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng (không quá 9 tháng/năm học). (Theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)

4.1. Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/03/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (Mồ côi cả cha và mẹ, mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội....)

4.2. Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4.3. Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có).

4.4 Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

*** Hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị hỗ trợ tiền ăn trưa:

Đơn đề nghị ăn trưa (Mẫu kèm theo phần phụ lục).

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ ăn trưa

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội, văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở bảo trợ xã hội về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi đối với trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội **đối tượng 4.1;**

b. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo **đối tượng 4.2**

c. Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công và Giấy khai sinh của trẻ **đối tượng 4.3.**

d. Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân phường cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận **đối tượng 4.4.**

5. Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp: mức hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng (không quá 9 tháng/năm học, thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế) (Theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)

Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình **dân lập, tư thục** đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

*** Hồ sơ**

a) Đơn đề nghị trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp (Mẫu số 03) có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động nơi cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em đang công tác;

b) Giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy xác nhận tạm trú của trẻ em (Bản sao có chứng thực).

6. Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (Theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)

Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình **dân lập, tư thục** đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện sau:

- Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định;
- Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục;
- Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

*** Nội dung chính sách**

Giáo viên mầm non bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ tối thiểu 800.000 đồng/tháng (tám trăm ngàn đồng một tháng).

Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

*** Hồ sơ**

- Danh sách giáo viên được hưởng chính sách (Mẫu số 05);
- Bản sao có chứng thực Hợp đồng lao động của giáo viên được hưởng chính sách.

Trên đây là hướng dẫn của phòng Giáo dục và Đào tạo về thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và tiếp nhận giấy xác nhận đối tượng học sinh thuộc diện hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Khuu Mạnh Hùng



Phụ lục: GXN

UBND QUẬN, HUYỆN, TP. THỦ ĐỨC (1)
UBND PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GXN- ... (3)...., ngày tháng năm 20...

GIẤY XÁC NHẬN

Cho học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và
hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo thành phố
giai đoạn 2021 – 2025

Năm

(5) Ủy ban nhân dân phường-xã-thị trấn.....chứng nhận:

Anh (chị):.....

Sinh ngày:....., tháng....., năm.....

Là thành viên của hộ ông/bà

Là:

+ Hộ nghèo ☐ mã số hộ:.....

+ Hộ cận nghèo ☐ mã số hộ:.....

+ Hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo ☐ mã số hộ:.....;

Năm thoát mức chuẩn hộ cận nghèo:.....

Để bỏ túc hồ sơ được miễn-giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy
định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của
Chính phủ.

Nơi nhận:

.....

.....

- Lưu: VT, (6) A.xx (7)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ,
THỊ TRẤN
CHỦ TỊCH

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, tổ chức cấp giấy xác nhận.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức cấp giấy xác nhận.
- (4) Địa danh
- (5) Nội dung chứng nhận: xác định cụ thể người, sự việc, vấn đề được chứng nhận.
- (6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
- (7) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

PHỤ LỤC II**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ**

(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Dùng cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên công lập)

Kính gửi: *Tên cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập.*

Họ và tên (1) :.....

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2) :.....

Hiện đang học tại lớp:.....

Trường:.....

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 81)*

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...

Người làm đơn (3)

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên

PHỤ LỤC III**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP***(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP***(Dùng cho các đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số .../2021/NĐ-CP)*

Kính gửi: Tên cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Họ và tên (1):.....

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2):.....

Hiện đang học tại lớp:.....

Trường:.....

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số .../2021/NĐ-CP)*

Căn cứ vào Nghị định số .../2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...

Người làm đơn (3)*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên.

PHỤ LỤC IV

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Dùng cho các đối tượng được hưởng đồng thời chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số/2021/NĐ-CP)

Kính gửi: Tên cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Họ và tên (1) :.....

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2):.....

Hiện đang học tại lớp:.....

Trường:.....

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)*

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được miễn giảm học phí và cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...

Người làm đơn (3)

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI HƯỞNG CHẾ ĐỘ MIỄN HỌC PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2013/TTLT-BCA-BTC
ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công an - Bộ Tài chính)

Kính gửi: (1)

Tên tôi là:.....Nhập ngũ tháng.....năm.....

Cấp bậc:Đơn vị:

Có con là (chữ in hoa):

Sinh ngày:/...../..... Nam, nữ:

Học sinh lớp: Trường:

Xã (phường)huyện (quận) tỉnh (thành phố).....

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2013/TTLT-BCA-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công an - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 87/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với gia đình, thân nhân hạ sĩ quan, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân, con tôi đủ điều kiện hưởng chế độ miễn học phí.

Kính đề nghị Thủ trưởng đơn vị xem xét, cấp cho con tôi "Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí", để làm cơ sở thực hiện chế độ miễn học phí đối với con tôi theo quy định./.

XÁC NHẬN CỦA
CHỈ HUY ĐƠN VỊ (2)
(ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1). Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương: cấp Trung đoàn và tương đương.
(2). Cấp đại đội, tiểu đoàn hoặc tương đương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA

(Dùng cho cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em học tại các cơ sở giáo dục mầm non)

Kính gửi:

Họ và tên:.....

Là cha/ mẹ của em:

Hiện đang học tại lớp:

Trường:

Thuộc đối tượng:

- ☐ Có cha mẹ hoặc có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở xã, thôn ĐBK.
- ☐ Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, ngày 21/10/2013.
- ☐ Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
- ☐ Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh.
- ☐ Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị xem xét được cấp tiền hỗ trợ ăn trưa cho con tôi theo quy định và chế độ hiện hành./.

.....ngày..... tháng..... năm.....

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp

Kính gửi: Cơ sở giáo dục mầm non (1)

Họ và tên..... (2):

Số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân..... cấp ngày... tại...

Đang công tác tại..... (3)

Là cha/mẹ (hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng) của..... (4)

Sinh ngày:..... Hiện đang học tại..... (5)

Thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp theo quy định tại Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày tháng.... năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân theo quy định hiện hành./

..., ngày tháng năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
NƠI CHA/MẸ/NGƯỜI CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG TRẺ EM
ĐANG CÔNG TÁC

Tên đơn vị..... (3)

Xác nhận ông/bà:..... (2)... đang làm việc tại đơn vị/cơ quan.

Các chi tiết nêu trong đơn là phù hợp với hồ sơ mà đơn vị đang quản lý.

Đề nghị các cấp quản lý xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân theo quy định hiện hành./

....., ngày tháng năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên đầy đủ của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục nơi trẻ mầm non đang theo học

(2) Cha/mẹ/người chăm sóc trẻ em là công nhân lao động đang công tác tại khu công nghiệp.

(3) Tên đơn vị/công ty/nhà máy trong khu công nghiệp, khu chế xuất nơi trực tiếp quản lý cha/mẹ/người chăm sóc trẻ.

(4) Họ và tên trẻ.

(5) Ghi rõ tên nhóm/lớp và cơ sở giáo dục mầm non trẻ đang học (1).

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

DANH SÁCH GIÁO VIÊN MẦM NON DÂN LẬP, TƯ THỰC ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC
HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ Ở ĐỊA BÀN CÓ KHU CÔNG NGHIỆP

(Dùng cho Cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực)

Tổng số giáo viên của cơ sở GDMN:.....

Tổng số giáo viên được hưởng chính sách.....

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Dạy tại nhóm/lớp p	Tổng số trẻ trong nhóm/lớp p	Số trẻ là con công nhân trong nhóm/lớp p	Mức tiền được hưởng / tháng	Số tháng được hưởng	Tổng số tiền
1	Nguyễn Thị A								

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày.... tháng.....năm.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)